Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9031.90.30

Mã HS	9031.90.30
Mô tả hàng hóa	Máy, thiết bị và dụng cụ đo lường hoặc kiểm tra, chưa được ghi hoặc chi tiết ở nơi khác trong Chương này; máy chiếu biên dạng / - Bộ phận và phụ kiện: / - - Bộ phận và phụ kiện kể cả mạch in đã lắp ráp dùng cho các dụng cụ và thiết bị quang học để kiểm tra các vi mạch hoặc linh kiện bán dẫn hoặc kiểm tra mặt nạ, mặt nạ quang hoặc lưới ca rô sử dụng trong sản xuất các linh kiện bán dẫn; bộ phận và phụ kiện của các thiết bị đo độ nhiễm bẩn bề mặt của vi mạch bán dẫn
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	09/11/2026 13:44:10
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/90319030/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18247
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18247
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18247
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17574
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17503
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17503
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17503
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17503
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17503
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17503
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17559
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17559
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17559
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17559

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17559
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17559
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17560
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17560
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17560
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17560
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17560
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17560
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17565
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17521
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17517
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17517
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17517
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17517
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17517
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17517
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17563
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17563
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17563
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17563
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17563
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17563
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17625
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17625
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17625
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17625

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17625
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17625
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17601
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17601
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17601
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17601
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17601
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17601
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17596
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17596
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17596
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17596
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17596
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17596
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17626
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17626
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17626
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17626
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17626
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17626
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17625
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17625
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17625
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17625
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17625
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17625

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17719
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17719
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17719
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17719
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17719
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17719
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17719
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17588
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17588
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17588
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17588
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17588
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17588
RCEP B	2022	2022	0	B!D17588
RCEP B	2023	2023	0	B!E17588
RCEP B	2024	2024	0	B!F17588
RCEP B	2025	2025	0	B!G17588
RCEP B	2026	2026	0	B!H17588
RCEP B	2027	2027	0	B!I17588
RCEP C	2022	2022	0	C!D17586
RCEP C	2023	2023	0	C!E17586
RCEP C	2024	2024	0	C!F17586
RCEP C	2025	2025	0	C!G17586
RCEP C	2026	2026	0	C!H17586
RCEP C	2027	2027	0	C!I17586
RCEP D	2022	2022	0	D!D17585

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E17585
RCEP D	2024	2024	0	D!F17585
RCEP D	2025	2025	0	D!G17585
RCEP D	2026	2026	0	D!H17585
RCEP D	2027	2027	0	D!I17585
RCEP E	2022	2022	0	E!D17589
RCEP E	2023	2023	0	E!E17589
RCEP E	2024	2024	0	E!F17589
RCEP E	2025	2025	0	E!G17589
RCEP E	2026	2026	0	E!H17589
RCEP E	2027	2027	0	E!I17589
RCEP F	2022	2022	0	F!D17588
RCEP F	2023	2023	0	F!E17588
RCEP F	2024	2024	0	F!F17588
RCEP F	2025	2025	0	F!G17588
RCEP F	2026	2026	0	F!H17588
RCEP F	2027	2027	0	F!I17588
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16489
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16489
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16489
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16489

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 9031.90 có 4 dòng thuế; dòng 9031.90.30 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Bộ phận và phụ kiện kể cả mạch in đã lắp ráp dùng cho các dụng cụ và thiết bị quang học để kiểm tra các vi mạch hoặc linh kiện bán dẫn hoặc kiểm tra mặt nạ, mặt nạ quang hoặc lưới ca rô sử dụng trong sản xuất các linh kiện bán dẫn; bộ phận và phụ kiện của các thiết bị đo độ nhiễm bẩn bề mặt của vi mạch bán dẫn.	9031.90.40 Của thiết bị quang học xác định và sửa lỗi cho tấm mạch in/tấm dây in và mạch in đã lắp ráp; 9031.90.50 Của dụng cụ và thiết bị quang học khác để đo hoặc kiểm tra tấm mạch in/tấm dây in và mạch in đã lắp ráp; 9031.90.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 9031.90.30 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 9031.90.30	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9031.90.30. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9031.90.30 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18247), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.